

Bản án số: 46/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 05-5-2025
V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy Lan**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Vương Thị Dung** và bà **Lương Thanh Kỳ**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thuỳ Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà **Trịnh Thị Thanh Ngọc** – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 5 năm 2025, tại Phòng xét xử B – Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2024/TLST- HNGĐ ngày 13/11/2024, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025, quyết định hoãn phiên tòa số 54/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/4/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Hà Thị Kim C**, sinh năm 1988

Thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Địa chỉ liên hệ: Tổ A, ấp Đ, xã H, Thành phố B.

Bị đơn: Ông **Đoàn An P**, sinh năm 1976

Địa chỉ: Tổ D, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

(Bà C có đơn xét xử vắng mặt, ông P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Hà Thị Kim C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Đoàn An P tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và đi đến hôn nhân, bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2006, có tổ chức đám cưới và được gia đình hai bên chấp thuận. Ngày 27/11/2006 có đăng ký kết hôn số 79, quyển số 01 tại UBND xã Đ, huyện P (cũ) nay là huyện B, tỉnh Bình Phước. Khi mới cưới nhau xong thì hai vợ chồng chung sống tại huyện B, tỉnh Bình Phước. Đến cuối năm 2015 ông P bỏ về sinh sống tại ấp C, xã S, huyện Đ. Cuộc sống chung hạnh phúc khoảng 08 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân

là do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau khi gặp khó khăn về kinh tế. Nhận thấy không có tiếng nói chung và tình cảm không còn nên từ năm 2015 hai người không còn chung sống với nhau. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Đoàn An P.

Về con chung: có 02 con chung Đoàn Gia B, sinh ngày 03/01/2008 và Đoàn Hà Gia H, sinh ngày 05/8/2010. Từ khi sống ly thân năm 2015 đến nay thì ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Gia B, còn bà trực tiếp nuôi dưỡng con chung Đoàn Hà Gia H. Trong thời gian nuôi con thì không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Khi ly hôn, bà đồng ý giao con chung Đoàn Gia B cho ông P nuôi dưỡng, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đoàn Hà Gia H, không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập họp lệ nhưng bị đơn ông Đoàn An P không đến Tòa án để làm việc, đã xuống địa phương nhưng không ghi được lời khai của ông P.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập niêm yết họp lệ nhưng vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C. Về hôn nhân: Cho bà C được ly hôn với ông P. Về con chung: Giao con chung Đoàn Gia B, sinh ngày 03/01/2008 cho ông P được nuôi dưỡng và giao con chung Đoàn Hà Gia H, sinh ngày 05/8/2010 cho bà C được nuôi dưỡng, tạm thời miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do đương sự không yêu cầu. Tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét. Về án phí: Bà C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Bị đơn ông Đoàn An P có nơi cư trú tại: tổ D, ấp C, xã S, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán. Bà C yêu cầu ly hôn và nuôi con vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 13/11/2024, Tòa án thụ lý yêu cầu khởi kiện về việc bà C xin ly hôn với ông P. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà là nguyên đơn, ông P là bị đơn trong vụ án.

[1.3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng nguyên đơn có đơn xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập niêm yết hợp lệ, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

- Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C và ông P được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn số 79, quyển số 01 ngày 27/11/2006 tại UBND xã xã Đ, huyện P (cũ) nay là huyện B, tỉnh Bình Phước và được cấp giấy chứng nhận kết hôn theo luật định. Như vậy, hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Tại các biên bản xác minh ngày 21/3/2025, ngày 25/3/2025 thể hiện vợ chồng bà có mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống về tình cảm và tiền bạc trong gia đình. Từ năm 2015 ông P bỏ về xã S, huyện Đ sinh sống, bà C làm công nhân tại KCN C, N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, từ đó đến nay 02 người không còn sống chung với nhau, bỏ mặc nhau, mạnh ai nấy sống, không tự hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định bà C và ông P đã không còn tình cảm thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận nên cho bà C được ly hôn với ông P.

- Về nuôi con chung: có 02 con chung Đoàn Gia B, sinh ngày 03/01/2008 và Đoàn Hà Gia H, sinh ngày 05/8/2010. Từ khi sống ly thân năm 2015 đến nay thì ông P trực tiếp nuôi dưỡng con chung Gia Bảo, còn bà C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Gia Hân. Bà C làm công nhân theo hợp đồng lao động với thu nhập trung bình 9.000.000đ/tháng nên đủ điều kiện nuôi con. Ông P làm nghề trồng rau, cũng có thu nhập và chỗ ở, các con hiện đang được đi học tại trường đầy đủ. Bên cạnh đó nguyện vọng của cháu B mong muốn được ở với cha, nguyện vọng của cháu H mong muốn được ở với mẹ. Để bảo đảm cuộc sống cho con chung phát triển tốt về mặt thể chất cũng như ổn định vấn đề tinh thần, tâm lý cho trẻ nên tiếp tục giao con chung Gia Bảo cho ông P được nuôi dưỡng, giao con chung Gia Hân cho bà C nuôi dưỡng là có cơ sở. Căn cứ Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và Gia đình, do các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên tạm thời miễn cho ông P và bà C nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà C khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P không có văn bản trình bày ý kiến về tài sản chung, nợ chung. Vì vậy, khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

[3] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn.

[4] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 238 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điều 89, 91 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hà Thị Kim C.

- Về hôn nhân: Bà Hà Thị Kim C được ly hôn với ông Đoàn An P.

- Về nuôi con chung: Giao con chung Đoàn Gia B, sinh ngày 03/01/2008 cho ông Đoàn An P được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Giao con chung Đoàn Hà Gia H, sinh ngày 05/8/2010 cho bà Hà Thị Kim C được trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Tạm thời miễn cho ông P, bà C nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông P, bà C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, ông P và bà C có quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Khi có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

2. Về án phí: Bà Hà Thị Kim C phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Số tiền 300.000đ bà C đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0014715 ngày 13/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai được chuyển thành án phí.

3. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho bà C và ông P biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THA DS huyện Định Quán;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Đak O, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, số 79, quyển số:01, ngày 27/11/2006 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Lưu Hồ sơ – Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Lan